

từ Công ty SONY Electronics (Singapore) Pte.Ltd. của Singapore theo cơ cấu AICO, thuộc mã số 85401100 (mục riêng) trong Biểu thuế thuế nhập khẩu ưu đãi được hưởng mức thuế suất thuế nhập khẩu 5% (năm phần trăm).

Trường hợp thuế suất thuế nhập khẩu của bóng đèn hình phẳng Trinitron trong Biểu thuế thuế nhập khẩu ưu đãi hoặc trong Danh mục hàng hóa và thuế suất của Việt Nam để thực hiện Hiệp định ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) do Chính phủ ban hành quy định thấp hơn 5% thì sẽ áp dụng mức thuế thấp hơn đó.

Điều 2. Khi nhập khẩu, Công ty Vietronics Tân Bình phải xuất trình:

- Giấy chứng nhận sản phẩm AICO số Sony/2000/2 do Ban Thư ký ASEAN cấp ngày 14 tháng 7 năm 2000 (bản sao công chứng);

- Giấy chứng nhận xuất xứ Mẫu D do cơ quan có thẩm quyền của Singapore cấp theo quy định của Bộ Thương mại về Giấy chứng nhận xuất xứ của Hiệp định CEPT.

Điều 3. Số lượng bóng đèn hình phẳng Trinitron nhập khẩu được hưởng mức thuế suất thuế nhập khẩu theo quy định tại Điều 1 của Quyết định này thực hiện theo quy định của Bộ Công nghiệp.

Điều 4. Các quy định về tổ chức thực hiện và quản lý cơ cấu AICO thực hiện theo quy định tại Quyết định số 07/1998/QĐ-BCN ngày 02/2/1998 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và các quy định về cơ chế báo cáo khác của Bộ Công nghiệp. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp sử dụng sai mục đích, Bộ Công nghiệp cần thông báo cho Tổng cục Hải quan để chỉ đạo hải quan địa phương truy thu thuế nhập khẩu và phạt theo quy định.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành và được áp dụng đối với các tờ khai hàng hóa nhập khẩu đã nộp cho cơ quan hải quan bắt đầu từ ngày 28 tháng 8 năm 2000./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

QUYẾT ĐỊNH số 200/2000/QĐ-BTC **ngày 18/12/2000 bãi bỏ mức thu lệ** **phí hạn ngạch xuất khẩu hàng** **dệt may vào thị trường EU và** **Canada đối với một số mặt hàng.**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 04/1999/NĐ-CP ngày 30/1/1999 của Chính phủ về phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước;

Sau khi có ý kiến của liên Bộ Thương mại - Kế hoạch và Đầu tư - Công nghiệp (Công văn số 3611/TM-XNK ngày 13/10/2000);

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ mức thu lệ phí hạn ngạch xuất khẩu hàng dệt may vào thị trường EU và Canada quy định tại Quyết định số 99/1999/QĐ-BTC ngày 27/8/1999 của Bộ Tài chính đối với những mặt hàng sau:

1. Khăn bông (cat.9).
2. Quần lót (cat.13).
3. Áo khoác nam (cat.14).
4. Bộ pijama (cat.18).
5. Khăn trải giường (cat.20).
6. Áo Jacket (cat.21).
7. Áo dài nữ (cat.26).
8. Quần dệt kim (cat.28).
9. Vải tổng hợp (cat.35).

0366678

10. Khăn trải bàn (cat.39).
11. Sợi tổng hợp (cat.41).
12. Quần áo trẻ em (cat.68).
13. Quần áo bảo hộ lao động (cat.76).
14. Lưới sợi (cat.97).
15. Khăn trải bàn bằng lanh, gai (cat.118).
16. Quần áo bằng vải thô (cat.161).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 1 năm 2001.

Điều 3. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải nộp lệ phí và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

THÔNG TƯ số 116/2000/TT-BTC ngày 19/12/2000 hướng dẫn chế độ quản lý sử dụng lệ phí về quản lý chất lượng, an toàn và vệ sinh thủy sản.

Căn cứ Nghị định số 87/CP ngày 19/12/1996 và Nghị định số 51/1998/NĐ-CP ngày 18/7/1998 của Chính phủ quy định chi tiết việc phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 04/1999/NĐ-CP ngày 30/1/1999 của Chính phủ về phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 90/2000/QĐ-BTC ngày 01/6/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành biểu mức thu lệ phí về quản lý chất lượng, an toàn và vệ sinh thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 86/CP ngày 08/12/1995 của Chính phủ về phân công quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm hàng hóa;

Sau khi thống nhất với Bộ Thủy sản; Bộ Tài

chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng lệ phí cho công tác quản lý chất lượng, an toàn và vệ sinh thủy sản như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Tiền thu lệ phí về quản lý chất lượng, an toàn và vệ sinh thủy sản là nguồn thu của ngân sách nhà nước. Đối tượng, mức thu, tổ chức thu lệ phí về quản lý chất lượng, an toàn và vệ sinh thủy sản thực hiện theo Quyết định số 90/2000/QĐ-BTC ngày 01/6/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành biểu mức thu lệ phí về quản lý chất lượng, an toàn và vệ sinh thủy sản.

2. Đơn vị tổ chức thu lệ phí quản lý chất lượng, an toàn và vệ sinh thủy sản được sử dụng tối đa 90% số phí, lệ phí thu được để chi cho công tác quản lý chất lượng, an toàn và vệ sinh thủy sản theo dự toán được cơ quan có thẩm quyền duyệt theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành; số thu còn lại (10%) phải nộp ngân sách nhà nước.

3. Đơn vị tổ chức thu phải mở tài khoản thu lệ phí tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch; định kỳ 10 ngày số lệ phí thu được về công tác quản lý chất lượng, an toàn và vệ sinh thủy sản phải nộp vào tài khoản thu tại Kho bạc nhà nước.

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Sử dụng tiền thu lệ phí:

Số thu lệ phí quản lý chất lượng, an toàn và vệ sinh thủy sản được sử dụng tại đơn vị theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm các nội dung sau:

- Chi tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp cho người lao động.
- Chi bảo hộ lao động.
- Chi thanh toán dịch vụ công cộng; vật tư văn phòng; thông tin tuyên truyền liên lạc.
- Chi bồi dưỡng độc hại, làm việc ngoài giờ.